

TRIẾT LÝ TRI - HÀNH - SỐNG HỢP NHẤT

CHU TẤN

*"...Khi con người "làm đúng" và nhất là làm với tất cả "tấm lòng thành" thì dù: làm trước Trời, Trời cũng không cãi. Làm sau Trời, Trời cũng bằng lòng"...
(Bổ sung & hoàn thiện triết lý TRI HÀNH HỢP NHẤT của Triết Gia Vương Dương Minh)*



*Khi đem "chân lý tinh hoa sự sống " bổ sung và hoàn thiện thuyết "Tri hành hợp nhất" là phương thức "Nhập diệu" "khoáng tương" và "nâng cao giá trị của triết thuyết này trong thời đại mới. Đây cũng là cách chúng ta tri ân và vinh danh triết gia Vương Dương Minh một cách chân chính và tốt đẹp nhất" **Chu Tấn***

I. Dẫn Nhập

Trong lịch sử triết học Trung Hoa Việt Nam nói riêng và Đông Phương nói chung, vấn đề Tri và Hành đã được nói đến nhiều và cũng tốn nhiều giấy mực tranh cãi. Có 5 thuyết nổi bật nói về mối tương quan giữa tri và hành như sau đây:

- 1- Thuyết chủ Hành lấy Hành làm cơ sở cho Tri, của Mặc gia và của Vương Thuyền Sơn.
- 2- Thuyết chủ Tri lấy Tri làm cơ sở cho Hành, của Trình Tử và Chu Tử.
- 3- Thuyết "Tri Hành Hợp Nhất" quan niệm không có sự phân biệt giữa Tri và Hành hay Tri và Hành chỉ là một của Vương Dương Minh.
- 4- Thuyết "Tri nan hành dị" (biết khó làm dễ) của Tôn Trung Sơn.

5- Thuyết “Biết làm, có chí làm còn làm thì dễ” của Nhất Linh, Nguyễn Tường Tam (VN).

Đặc biệt đến cuối thế kỷ 20 và nhất là sang thế kỷ 21, có 2 vấn đề khá cấp thiết được đặt ra:

Một là: do sự tiến bộ của khoa học, vấn đề nhịp sống, nhu cầu sống đòi hỏi mọi người chúng ta phải xem xét lại các quan niệm về tri và hành của người xưa đặt như thế đã đúng chưa? Nếu sai phải đặt lại? Nếu đúng mà còn thiếu sót hay chưa thật hoàn hảo thì phải bổ sung hoàn thiện như thế nào?

Hai là: do sự tiến hóa của nhân loại, không những về mặt khoa học, mà ngay như về mặt Tôn giáo, Đạo học hay Tâm linh, cứu cánh của sự sống con người là gì? Vũ trụ quan, Nhận thức quan, Nhân sinh quan Văn hóa quan, Chính trị quan đều phải đặt lại theo cách nhìn mới, nền tảng mới như thế nào? Triết học đi về đâu? Tôn giáo đi về đâu? Có hay không có một tôn giáo toàn cầu? Do đâu có sự cần thiết của một nhân loại mới? Thế nào là đưa Đạo vào Đời? Đạo, đời và sự sống có khác nhau không? Từ nhu cầu sống đến bản chất sự sống là gì? Dân tộc học, Việt học cần phải xây dựng như thế nào? Trên căn bản nền tảng nào? Do cơ duyên nào mà dân tộc Việt Nam có hân hạnh hay có diễm phúc đứng ra làm cuộc “Tập Đại Thành” hay “Đại hòa điệu” giữa văn hóa Đông Phương và Tây Phương? mà muốn “tập đại thành” hay “đại hòa điệu” văn hóa Đông Phương và Tây Phương lại đòi hỏi triết lý Việt, vượt thoát hay vượt lên như thế nào? Văn hóa Việt hay triết lý Việt muốn vượt thoát thì điều kiện đầu tiên là phải xét lại lịch sử 2000 Văn hóa Tây Phương và Đông Phương đã băng hoại như thế nào? Từ ngày tạo thiên lập địa nhân loại đã sống trải qua bao nhiêu niên kỷ, bao nhiêu thế hệ, song có ai đặt vấn đề bản chất sự sống là gì? Có hay không có một suối nguồn chân lý sự sống? Có hay không một “Sống học” hay “Sống Đạo” cho thế kỷ 21 và hằng hằng các thế kỷ về sau?

Trong niềm thao thức trên, kẻ hậu học Chu Tấn từ bao năm nay, rất tâm đắc Thuyết Tri Hành Hợp Nhất của thầy Vương Dương Minh và tự hỏi tại sao các triết gia, sĩ phu, kẻ sĩ Trung Hoa và Việt Nam lại không biết kế thừa triết lý “tri hành hợp nhất” của Thầy Vương Dương Minh và không biết áp dụng thuyết này vào việc xây dựng đất nước hùng mạnh và vinh quang như dân tộc Nhật Bản đã làm ngay từ thời Minh Trị Thiên Hoàng? Phải chăng giới sĩ phu, kẻ sĩ Trung Quốc thời mạt diệt nhà Thanh chỉ vì thành kiến “Bụt chùa nhà không thiêng”? Hay các sĩ phu, kẻ sĩ Trung Quốc thời Thanh mạt nghĩ rằng, thuyết “tri hành hợp nhất” của Vương Dương Minh tuy có hay nhưng lại nằm trong “Học thuyết tâm học” – có tính xa rời thực tế nên không cứu nổi xã hội Trung Quốc khi Trung Quốc tiếp xúc với nền Văn Minh Tây Phương đã đành, mà ngay thịnh thời của nhà Thanh Lý Học của Tống nho, cũng như Tâm Học thời Minh nho, của Lục Tượng Sơn cũng đã suy vi rồi? Tại sao lại

suy vi, nếu không phải thuyết “Tri hành hợp nhất”, sau khi Vương Dương Minh qua đời đã không được chân truyền hay không có những người tài nổi nghiệp phát huy rực rỡ hơn nữa? Và phải chăng giới sĩ phu, kẻ sĩ Việt Nam tuy có nghiên cứu thuyết “tri hành hợp nhất” của Vương Dương Minh và tuy công nhận là hay, nhưng lại không có môi trường hay hoàn cảnh áp dụng thuyết này vào việc cứu nước và dựng nước? Hay vì dân tộc ta vào cuối thời mạt diệt nhà Nguyễn không có được một vị vua nào sáng suốt và thức thời như Minh Trị Thiên Hoàng?

“Nhất thất túc thời thiên cổ lụy”

như lời than của Nguyễn Trường Tộ ?! Và niềm đau cho tới bây giờ !

Với những triết gia, kẻ sĩ hay sĩ phu Nhật Bản, chúng tôi muốn đặt câu hỏi: Quý ngài đã có may mắn tiếp thu, kế thừa và áp dụng thuyết “tri hành hợp nhất” của thầy Vương Dương Minh vào việc xây dựng Nhật Bản thành một cường quốc như hiện nay, nhất là quý vị đã thành lập trường phái Dương Minh Học tại Nhật từ gần 400 năm qua. Qua quá trình học hỏi và thể nghiệm sâu dày này, quý vị xét thấy thuyết “tri hành hợp nhất” phải chăng có một giá trị toàn hảo? Hay có những khuyết điểm nào cần phải bổ sung và hoàn thiện cho thích hợp với thời đại?

Sau cùng, trong thiên biên khảo này, chúng tôi vì rất tâm đắc thuyết “tri hành hợp nhất” của Thầy Vương Dương Minh, nhưng đồng thời chúng tôi cũng nhận ra một số khuyết điểm hay bất toàn ngay trong bản thân lý thuyết “tri hành hợp nhất” cần được bổ sung cho hoàn thiện hơn. Chúng tôi xin mạnh dạn đưa ra, không phải chủ quan cho rằng những suy nghĩ của mình hoàn toàn đúng, mà xuất phát điểm từ bản tâm, bản ý là rất thành. Chúng tôi xin đặt ra trong ý thức giới hạn, những tư tưởng và nhận định của mình có thể đúng, có thể sai, cùng mức độ “xác xuất đúng và xác xuất sai”, đối chiếu với thực tế, thực tại và thực tiễn của đời sống, và luôn luôn trong tinh thần vừa hướng về nguồn, vừa đối thoại, đối chiếu quan điểm Dân tộc & Thời đại để cùng học hỏi và cầu tiến.

II. Tiểu sử Vương Dương Minh

Văn thành Vương Dương Minh tiên sinh Thủ Nhân. Vương Thủ Nhân tự là Bá An (1472-1528) người đất Dư Diêu, tỉnh Triết Giang. Vì ông làm nhà ở động Dương Minh gần Hàng Châu cho nên học giả gọi ông là Dương Minh tiên sinh. Ông là dòng dõi Nho gia danh tiếng đời nhà Minh. Thân phụ là Long Sơn Công, đỗ trạng nguyên làm quan trong triều.

Từ thuở nhỏ ông đã tỏ ra rất thông minh, có hoài bão. Năm 11 tuổi, đọc sách với thầy học, đã dám hỏi thầy: “Ở đời việc gì là hơn cả”- Hà vi đệ nhất đẳng sự?

Sinh trưởng trong một gia đình phú quý, thừa quyền thế lẫn tài sản để cung cấp cho ông điều kiện ôm ấp những cao vọng siêu phàm xuất chúng, cho

nên ông sớm nuôi nhiều cuồng vọng, phóng túng, tự do của một đứa con cứng trong một gia đình thi lễ quyền quý

Năm 15 tuổi, ông bỗng ôm cái chí kinh lược bốn phương. Một hôm đi chơi ra ngoài Vạn Lý trường thành, thấy người Hồ cỡi ngựa, rong ruổi tự nhiên có chí bốn phương ấy.

Năm 17 tuổi kết hôn ở Giang Tây. Chính vào ngày cưới, ông đi chơi vào trong động của một đạo sĩ, thấy đạo sĩ ngồi tham thiền, không cầm đặng lòng hiếu kỳ và thú lãng mạn, ông bèn ngồi đối diện đạo sĩ mà tham vấn thuật dưỡng sinh. Rồi ông ham mê cũng ngồi tĩnh tọa đến quên cả về cưới vợ, cho đến sáng hôm sau người nhà đi tìm mới bắt được ông về.

Năm 18 tuổi, cùng với vợ trở về đất Việt, trên đường có đến yết kiến học giả Lâu Nhất Trai mà ông từng hâm mộ là nhà đạo học. Rồi cũng lại cao hứng như đối với đạo sĩ ở Thiết Trụ động trên kia, mà ông nghe Nhất Trai giảng cho cái học "cách vật" của Tống nho. Ông bèn nhận ra rằng làm Thánh nhân có thể học mà tới được.

Năm 21 tuổi ở kinh đô ông hằng hái muốn thực hiện công phu "cách vật", cùng với một người bạn, tuân theo phương pháp giáo lý của Chu Hy trong sách Đại Học, cùng nhau đến trước khóm trúc. Cả hai miệt mài cách vật suốt 3 hôm đến thành bệnh, còn ông cách suốt bảy bữa cũng thành bệnh nốt, rút cục cái lý của khóm trúc trước sân, một tơ hào cũng không cách thông. Ông thất vọng mà nghĩ để an ủi rằng thánh hiền có phần không phải ai cũng làm được. Ông bèn bỏ con đường học làm Thánh Hiền mà chuyển sang đường từ chương văn nghệ.

Năm 26 tuổi, cảm xúc về niên cảnh, mới lưu tâm để ý đến việc võ nghệ, đọc hết sách binh gia, binh thư.

Năm 27 tuổi, cảm thấy mệt mỏi, văn chương nghệ thuật không đủ thỏa mãn khát vọng trong lòng, tâm hồn tha thiết, nồng nhiệt cảm thấy cô liêu buồn phiền đến thành bệnh. Ông mới đổi chí hướng sang đường tu tiên, xuất thế.

Năm 28 tuổi (1499) ông đỗ tiến sĩ. Rồi suốt hai năm trời, ông đi vào hoạn trường, rút cuộc không thấy quên được sự u uất của tâm hồn.

Năm 31 tuổi, ông bèn cáo bệnh trở về quê hương, thực hiện phép Đạo Dẫn, ngồi tĩnh tọa, lòng thanh tĩnh, ông nảy ý nghĩ dốc lòng về đường xuất thế cầu Chân. Bấy giờ trên ông còn có tổ mẫu và thân phụ, luôn luôn hình ảnh vương tại tâm tư, không sao xóa nhòa đi được. Do đó ông giác ngộ mà tự nhủ rằng:

"Cái ý niệm này, sinh ra từ thuở ấu thơ, đem bỏ đi thì mất chủng tính vậy"

Sang năm sau, ông lại đổi chí hướng sang con đường hành động nhập thế, tinh thần ông từ cực đoan này sang cực đoan khác, không chịu nữa vờ.

Năm 33 tuổi lại trở về chính giới.

Năm 34 tuổi ông thành đạo, thu nhận đệ tử, giảng học. Cùng với Trạng Cam Tuyền lập thành môn phái khác nhau. Tuy bấy giờ đối với Thánh học, ông chưa có chí thâm thiết tự tin, bất quá chỉ là ý chí cuồng phóng lãng mạn muốn làm bằng được "*đệ nhất đẳng nhân, cùng đệ nhất đẳng sự*"- như ông đã hoài bão từ thuở còn niên thiếu.

Rồi xảy ra việc ông bị lưu đầy đi trạm Long Trường. Nguyên do Dương Minh làm quan ở triều đã được bảy năm gặp khi nhà Vua dùng bọn quan mà cầm đầu là Yên Hoạn Lưu Cẩn, khiến cho triều chính đổ nát. Các quan có người trung thực dâng sớ can Vua. Vua sai đánh ông bốn mươi trượng, chết đi sống lại, rồi đầy ra dịch thừa coi trạm Long Trường ở đất Quý Châu, nơi rừng rú hẻo lánh, lam sơn chướng khí của dân Mường Mán chưa thấm nhuần văn hóa Trung Hoa.

Trên đường đi đây, Lưu Cẩn còn cho người theo dõi để giết ông. Ông biết ý, cho nên đến sông Tiền Đường cho người nói phao lên rằng ông đã nhảy xuống sông tự vẫn. Rồi ông đáp thuyền đi ra đảo Chu Sơn thuộc tỉnh Triết Giang, trên đường gặp bão, thuyền dạt vào đất Mân ở Phúc Kiến. Ông đi bộ, đi xuyên sơn, đêm tối gặp một ngôi chùa, ông gõ cửa xin vào, nhà sư sợ cướp không cho vào. Ông phải đi đến một cái miếu gần đấy tựa vào cái bệ mà ngủ. Nơi ấy rất nhiều hổ báo quấy nhiễu, và đêm ấy nhà sư nghe tiếng hổ gầm, tưởng rằng hổ ăn thịt người gõ cửa đêm qua. Sáng dậy nhà sư ra xem thì thấy ông đang ngủ say, lấy làm lạ, mời về chùa. Vào chùa ông gặp lại người đạo sĩ đã gặp ở Thiết Trụ 20 năm về trước. Ông nhân nói ý muốn bỏ trốn đi xa, cho đạo sĩ hay, đạo sĩ khuyên rằng: "*Anh còn cha đang ở trong triều, vạn nhất Lưu Cẩn giận, kiếm cách làm hại, vụ cho anh đi theo giặc ở phía Bắc hay phía Nam để làm tội cha thì anh làm thế nào?*" Ông nghe động lòng bèn quyết đi đến trạm Long Trường.

Năm 37 tuổi ông đến Long Trường, ở với dân Mọi, dạy dân đốn gỗ làm nhà. Bảy giờ kẻ thù còn theo đuổi, ông còn phải đề phòng thích khách. Ông bèn nghĩ rằng ở trên đời tất cả vinh nhục đến nơi này khó lòng nổi dậy, chỉ có một đường là giải thoát. Cái đất hiểm độc ấy chính đã giúp cho ông giác ngộ về đạo lý rất nhiều. Nhưng còn một ý niệm ông chưa sao giải giải thoát được là ý niệm sống chết. Ông vẫn còn lo chết... Vậy ông tự hỏi làm cách nào để giải thoát được ý niệm ấy. Ông đeo cái quách bằng đá để chờ khi chết nằm vào và đêm ngày ông ngồi tĩnh tọa trên cái quách ấy, khiến cho cái tâm sợ chết hóa đi hết cả, để cho tâm hồn được yên tĩnh. Những người đi theo ông không thể làm theo đúng như ông được. Họ bị bệnh vì lam chướng. Ông phải thân đi kiếm củi gánh nước, nấu cháo để nuôi họ và làm bài ca, bài thơ để ngâm vịnh cho họ vui quên.

"Hiểm di khôn bận nơi lòng.

Bóng mây phất phới trên không nhẹ nhàng

Đêm thanh biển rộng mênh mang

Trăng thanh gió mát thiên đàng là đâu !"

(Hiểm di nguyên bất tại hung trung,

Hà dị phù vân quá thái không

Dạ tĩnh hải đào tam vạn lý

Nguyệt minh phi tích hạ thiên phong)

Chính trong hoàn cảnh hoạn nạn, tật bệnh, di dịch, lam chướng man mọi ấy, tuy ông cố tìm quên hết sự đời, nhưng rồi ông vẫn không quên nỗi cái hoài bão cố hữu xưa nay là làm nên "*đệ nhất đẳng nhân, cùng đệ nhất đẳng sự*".

Rồi ông tự hỏi lại ông, ví thử có một vị thánh nhân lâm vào hoàn cảnh này thì xử trí như thế nào? Một mình trầm ngâm ôm ấp câu hỏi khúc mắc ấy mãi, chợt một đêm ông bừng dậy đại ngộ, trong trạng thái nửa thức nửa ngủ mơ mơ màng màng, như có người nói vào tai, gọi bật dậy. Bọn theo ông hoảng sợ về cử chỉ như điên cuồng của ông bấy giờ, giữa đêm khuya khoắt. *Ấy là ông đã phát minh ra một học thuyết mới về "cách vật trí tri" vậy.*

Trên đây là cả một lịch trình kinh nghiệm bản thân của một tâm hồn tầm đạo, một tâm hồn sinh ra với "thìa vàng trong miệng" như phương ngôn Âu tây thường nói, nghĩa là sinh ra trong hoàn cảnh đầy đủ hạnh phúc trần gian, thế lực có thừa, nhưng bản tính đam mê một chân lý trường cửu, một sự thỏa mãn chân chính toàn diện, cho nên hết cực đoan này đến cực đoan kia, nào nhập thế nào xuất thế, bất cứ đường nào hể đã hướng vào là đem cả nhiệt thành của thân tâm để hướng, không tính toán, không dè sẻn. Và đến lúc giác ngộ là lúc trải qua giai đoạn thừa sống thiếu chết, quên hết địa vị xã hội, hạnh phúc cá nhân, cho đến cả cha mẹ và chính tính mệnh của mình. Đến đây mới giác ngộ, hiểu biết thể nghiệm bản thân, không phải trên suy luận lý thuyết. Hiểu qua sự sống, và sống cái điều mình khám phá phát minh, đây là tinh thần triết học hay đạo học của họ Vương vậy..

Bởi thế mà muốn hiểu thấu triết học của Vương Dương Minh, chúng ta phải xét nó mật thiết với đời sống của tác giả, vì chính nó là cái ý nghĩa, của sự sống ở đời mà tác giả nỗ lực đi tìm kể từ lúc 11 tuổi, bước vào trường học bắt đầu hỏi thầy học: "Ở đời việc gì là hơn cả" –(hà vi đệ nhất đẳng sự"?)...cho đến khi thấy được nguồn lạc đạo với vũ trụ thiên nhiên của tuổi già:

*Văn ngưỡng thiên địa gian
Xúc mục câu hạo hạo
Đàn hồ hữu dư lạc
Thử ý lương phi kiêu
U tại Dương Minh lộ
Khả dĩ vong ngô lão.
(Đạo dịch toàn tập)*

Tạm dịch:

*Ngẩng cúi trong trời đất
Trần lan khí hạo nhiên
Giò cơn bầu nước mà tiên
Chẳng kiêu ý ấy tính thiên vui lòng
Dương Minh rừng núi linh lung
Tuổi già quen với núi sông đạo già.*

Song trước khi đến được cái thú lạc đạo ấy, thì cuộc đời chìm nổi của Dương Minh còn gặp nhiều thử thách. Ông bị đày tại Long Trường, cho đến năm 1510, ông 38 tuổi mới lại được phục chức tri huyện ở Lư Lăng tỉnh Giang Tây và sau mấy tháng được triệu về kinh làm chủ sự Bộ Lại. Đến năm 1512 ông

được thăng lên chức Thái Bộc tự thiếu khanh ở Nam Kinh. Năm 1514 thăng chức Hồng Lô Tự Khanh..

Bấy giờ nước Trung Hoa đang trải qua một thời buổi đen tối, trong triều thì gian thần siểm nịnh, ngoài thì giặc cướp tứ tung, quan quân đi đánh mãi không hết. Năm 1516 người ta tiến cử Dương Minh làm chức Đô sát viện, tả đô ngự sử, coi việc đánh dẹp nội loạn. Trong khoảng hơn một năm rưỡi từ khi ông chịu mệnh Đô sát, xếp đặt lại việc quân ngũ, chỉnh đốn lại binh giáp, các đám giặc vùng Giang Tây, Phúc Kiến, Quảng Đông, Hồ Nam đều dẹp được yên cả. Mỗi khi dẹp xong giặc nào, ông đều tổ chức lại việc cai trị, sửa chữa thuế khóa, tổ chức công việc giáo dục, nhân dân. Ngoài ra, ông vẫn tiếp tục trau dồi Đạo học, của mình, và giảng học cho môn đệ. Trong đám giặc hùng mạnh bấy giờ có giặc Thần Hào là nguy hiểm hơn cả, vì Thần Hào là giòng dõi vua Thái Tổ nhà Minh, được tập tước là Minh Vương ở hạt Nam Xương, thấy nhà vua, không có con, lại hay chơi bời, nghe siểm nịnh, nên Thần Hào bèn mưu toan cướp ngôi Thiên Tử. Nhưng việc nổi loạn của Thần Hào chỉ trong vòng hơn một tháng là dẹp yên. Đây là nhờ cái tài của Vương Dương Minh vận dụng, khiến kẻ thù sinh thành danh sĩ, kẻ ti thuộc thành lương tướng. Ông có thủ đoạn hoá kẻ tầm thường ra làm người lỗi lạc tài ba, đây là thiên tài của ông vậy.

Năm 1521, ông được thăng làm Nam Kinh Bình Bộ Thượng Thư được thăng chức Tân Kiến Bá. Ông bèn xin về nghỉ ở nhà để phụng dưỡng phụ mẫu. Nhưng rồi ở tỉnh Quảng Tây lại có giặc nổi lên, quan quân đánh mãi không xong, phải nhờ đến tay ông mới dẹp nổi. Đánh xong giặc Mọi này, thì Dương Minh bị bệnh nặng, phải bỏ về, đến Nam An thì bệnh tình hết sức trầm trọng. Một môn nhân là Chu Tích đến hỏi thăm bệnh, ông nói: "*Bệnh thế nguy cấp, chỉ còn cái nguyên khí chưa chết mà thôi*". Cách mấy hôm sau, thì ông mất, thọ 57 tuổi (ngày 28 tháng 11 năm Gia Tĩnh thứ 7 tức dương lịch 1528)

Các môn đệ đem công nghiệp, ngôn hành và giáo lý của ông chép thành những sách Ngữ Lục ba quyển, Văn Lục năm quyển, Biệt Lục mười quyển, Ngoại Tập bảy quyển, Tục Biên sáu quyển, Phụ Lục bảy quyển. Tất cả 38 quyển, thu vào một bộ là: Vương Văn Thành Công Toàn Thư tam thập bát quyển (1*).

(Trích Lịch Sử Triết Học Đông Phương tập 5 của Nguyễn Đăng Thục- trang 280- 287)

III. Ba giai đoạn biến chuyển và thành tựu của Vương học:

Triết học của Dương Minh đã mật thiết quan hệ với cuộc đời của ông, cho nên người ta theo dõi sự biến chuyển của tư tưởng triết học ấy với sự biến chuyển quan trọng của đời sống hiện thực đây bài học kinh nghiệm bản thân. Hoàng Lê Châu, một di Nho đời nhà Minh trứ danh về tác phẩm Minh

Nho học án, có viết về lịch trình “Tam Biến” ba lần biến chuyển trên đường tìm chân lý của họ Vương như sau:

“Cái học của tiên sinh, bắt đầu phiếm lạn về từ chương, rồi sau đọc hết sách của Chu Tử, tuần tự cách vật. Nhưng thấy rằng vật lý với tâm ta rút cục vẫn chia làm hai, không có lối nhập đạo. Tiên sinh bèn ra vào đạo Phật, đạo Lão khá lâu, kịp đến khi đi đầy ở nơi mường mán khốn cùng, tiên sinh mới động tâm nhân tính, nhân đấy nghĩ bụng thánh nhân ở vào cảnh ngộ ấy sẽ lấy đạo gì để ứng phó, bỗng nhiên giác ngộ được đường lối “cách vật trí tri”.

Đạo của Thánh nhân ở bản tính của ta tự đủ, không phải cầu ở ngoài. Cái học của tiên sinh gồm ba lần biến mới thấy được cửa vào đạo. Từ đấy về sau, bỏ hết cành lá rườm rà, tập trung chuyên nhất vào nguồn gốc, lấy phép ngồi yên lặng, để tâm lắng chìm làm mục đích của sự học. Trong tâm phải có trạng thái chưa phát xuất gọi là trung, thì mới có thể có sự phát xuất trúng điều tiết gọi là hòa. Sự nghe, nhìn, ăn, nói, cử động, hết thảy đều lấy cách thu liễm làm chủ đích, coi sự phát tán ra ngoài là bất đắc dĩ vậy. Sau khi ở Giang Hữu về, tiên sinh chỉ chuyên đề xướng thuyết “*Trí Lương Tri*”. Yên lặng không phải ngồi, tâm không cần phải đợi lắng chìm, không tập luyện, không nghĩ ngợi, cứ tự nhiên đề xuất ra theo phép trời. Bởi vì lương tri là cái trung chưa phát xuất, ấy là trước cái tri chứ không phải là cái chưa phát xuất. Lương tri là cái hòa của sự trúng tiết, ấy là sau cái tri chứ không phải cái đã phát xuất. Cái tri ấy tự có thể thu liễm, không cần chủ vào sự thu liễm. Cái tri ấy, tự có thể phát tán, chứ không đợi vào phát tán Thu liễm là thể của sự cảm, tĩnh mà động vậy. Phát tán là cái dụng của sự yên lặng, động mà tĩnh vậy. Chỗ thân thiết đốc thực của tri tức hành, chỗ minh giác tỉnh sát của hành tức tri, không làm gì có hai vật tri và hành khác nhau. “Sau khi tiên sinh ở đất Việt (bên Trung Hoa) sự giữ gìn đức hạnh của tiên sinh lại càng tinh thực chín chắn, cái chỗ sở đắc càng tiến hoá, luôn luôn biết điều phải điều trái, điều không phải không trái, mở miệng là đạt tới bản tâm chứ không phải mượn sự góp nhặt chấp nối, khác nào mặt trời ở không trung mà muôn hình được soi sáng hết. Ấy là sau khi sự học đã thành tựu mà có ba biến chuyển như thế”(*Minh nho học án q.10*)

Ba giai đoạn, biến chuyển trên đường học hỏi ấy đại khái là:

- 1) Từ thời còn phiếm lạn từ chương ra vào Phật Lão đến năm 38 tuổi ở đất Quý Dương bắt đầu luận về “*Tri Hành Hợp Nhất*” đây là giai đoạn thứ nhất.
- 2) Từ năm 38 tuổi đến năm 50 tuổi ở Giang Tây bắt đầu đề xướng thuyết “*Trí Lương Tri*” đây là giai đoạn thứ hai.
- 3) Từ năm 50 tuổi trở đi trở về đất Việt cho chí lúc mất là giai đoạn thứ ba giai đoạn thành Đạo vậy.

Trải qua ba giai đoạn trên đây, hệ thống tư tưởng triết học của họ Vương không phải kết quả của một sự ngồi trong tháp ngà, mà suy luận về thế giới. Triết học ấy thực là sản phẩm của một cuộc đời thực nghiệm đầy gian truân

"Tòng bách tử thiên nan trung đắc tại" như ông nói: "Do trăm lần chết, ngàn khó khăn mà có được" ... thực đáng cho chúng ta học hỏi và suy gẫm sâu xa (2*). (Trích Lịch Sử Triết Học Đông Phương Quyển 5, của Nguyễn Đăng Thục trang 287- 289)

IV. NỘI DUNG THUYẾT TRI HÀNH HỢP NHẤT:

1. Mục Đích hay Tông Chỉ Lập Thuyết của Vương Dương Minh:

Nhận thấy người đời thường phân chia Tri Hành làm hai, Vương Dương Minh cho đó là nghĩ sai nên làm sai. Không những thế còn làm những việc xấu ác, phản đạo đức. Để chữa căn bệnh đó của thời đại, nên ông xướng ra thuyết "tri hành hợp nhất" để cứu vãn thời thế, đồng thời đưa con người trở về với với bản thể của Đạo. Ông nói rằng: "Muốn hiểu cái thuyết tri hành hợp nhất, trước hết phải biết cái tông chỉ sự lập ngôn của ta. Người đời nay học vấn, nhân vì đã phân tri hành làm hai việc, cho nên khi có một cái niệm phát động, tuy là bất thiện, nhưng bởi chưa thi hành, thì không tìm cách ngăn cấm. Ta nói cái thuyết tri hành hợp nhất, chính là để người ta hiểu được chỗ nhất niệm phát động tức là hành rồi. Hễ chỗ phát động có điều bất thiện thì đem điều bất thiện ấy trừ bỏ ngay đi, cốt bỏ đến chỗ căn để khiến cái bất thiện không tiềm phục ở trong bụng. Ấy là cái tông chỉ sự lập ngôn của ta" (Ngữ Lục III).

2. Nội Dung Thuyết Tri Hành Hợp Nhất:

Triết gia Vương Dương Minh quan niệm "Tri và Hành theo nghĩa đặc biệt của ông: ông nêu rõ sự tương quan mật thiết giữa tri và hành theo 3 cách hiểu, hay 3 nội dung như sau:

a-"Chưa bao giờ có tri mà lại không có hành": Tri (Biết) mà không Hành (Làm) thì chỉ là chưa tri. (*Vi hữu tri nhi bất hành giả; Tri nhi bất hành, chi thị vị tri-* Tuyển Tập Lục, Từ Ái ký).

b-"Tri là bước đầu của Hành, Hành là kết quả của tri" (*Tri thị hành chi thủy, hành thị tri chi thành-* Như trên).

c-"Tri đến đứng đắn, cặn kẽ, thiết thực là cái tri đạt được ở trong hành mà sáng suốt rạch ròi là hành nhờ cái tri" (*Tri chi chân thiết đốc thực xứ, tức thị hành, hành chi minh giác, tinh xác tức thị tri-* Đáp Cổ Đông Kiều thư).

Dưới đây chúng tôi xin trình bày từng điểm một:

Trong phần thứ Nhất, Chữ tri chuyên chỉ cái "*minh giác*" (*biết sáng suốt*) của tâm về lẽ phải trái, còn hành là nói sự phát động của tâm. Xin hãy nghe ông giảng:

"Sách Đại Học chỉ cho thấy rõ đúng thế nào là tri và hành; sách ấy nói: "Như ưa sắc đẹp, như ghét mùi thối". Thấy sắc đẹp mà biết là đẹp, đó là thuộc về phần tri; ưa sắc đẹp là thuộc về phần hành. Ngay khi thấy sắc đẹp, mới chỉ

thấy thối là đã ưa rồi, chứ không phải là thấy đẹp rồi mới lập tâm ưa. Ngửi mùi thối mà biết là thối, đó là thuộc về phần tri; ghét mùi thối là thuộc về phần hành; ngay khi ngửi, thấy thối là ghét rồi, chứ không phải thấy thối rồi mới lập tâm ghét! “*Đại học chỉ xuất cá chân tri hành dữ nhân khán thuyết như hiếu sắc, như ố ác xú*”. Kiến hảo sắc thuộc tri, hiếu bảo sắc thuộc hành; chỉ kiến ná hảo sắc dĩ tự hiếu liễu, bất thi kiến liễu hậu hựu lập cá tâm khứ hiếu. Văn ác xú thuộc tri, ố ác xú thuộc hành, chỉ văn ná ác xú thời dĩ tự ố liễu, bất thị văn liễu hậu, hựu lập cá tâm khứ ố...(- Truyền tập lục Từ Ái ký)

“Lại như biết đau, ắt là mình có đau, rồi mới biết đau; biết lạnh, ắt là mình có lạnh rồi mới biết lạnh; biết đói, ắt là mình có đói rồi mới biết đói; tri với hành làm sao mà chia tách được! Bản thể của tri và hành là như thế”
(*Hựu như tri thống, tất dĩ tự thống liễu phương tri thống; tri hàn, tất dĩ tự hàn liễu, phương tri hàn; tri cơ, tất dĩ tự cơ liễu phương tri cơ; tri hành như hà phân đắc khai? Thử tiện thị tri hành đích bản thể*) (- Như trên).

Rõ ràng là tri hành hợp nhất: chưa bao giờ có tri mà không có hành. Đến phần thứ hai. Trong phần này, “*tri trở cái ý định làm một công việc gì, còn hành là trở cái công việc thực hiện ý định đó*” (Tri thị hành đích chủ ý, hành thị tri đích công phu - *Truyền tập lục. Từ Ái ký*).
Đây ông nói:

“Thực vậy, người ta tất có lòng muốn ăn rồi mới ăn, cái lòng muốn ăn tức là ý (chủ ý) tức là bước đầu của hành vậy. Ăn miếng ngon, miếng dở, tất nhiên bỏ vào mồm rồi mới biết, chứ có khi nào chưa bỏ vào mồm mà đã biết miếng dở miếng ngon? Tất là phải có lòng muốn đi, rồi sau mới biết đường; cái lòng muốn đi tức là ý (chủ ý) tức là bước đầu của hành vậy. Đường đi hiểm trở, tất phải đích thân trải qua mới biết, chứ có khi nào, chưa đích thân trải qua mà đã biết đường đi hiểm trở” (*Phù nhân tất hữu dục thực chi tâm, nhiên hậu tri thực. Dục thực chi tâm tức thị ý, tức thị hành chi thủy hĩ. Thực vi mĩ ác, tất đãi nhập khẩu nhi tri, khởi hữu bất đãi nhập khẩu nhi dĩ tri thực vị chi mĩ ác giả da? Tất hữu dục hành chi tâm, nhiên hậu tri lộ; dục hành chi tâm tức thị ý, tức thị hành chi thủy hĩ. Lộ đồ chi hiểm di tất đãi thân thân lý lịch nhi hậu tri khởi hữu bất đãi thân thân lý lịch nhi dĩ tri lộ đồ chi hiểm di giả da?*) (Đáp Cổ Đông Kiều thư)

“Thật vậy, vẫn (hỏi) tư (suy ngẫm) biện (phân tách) hành, ngần ấy điều đều là học cả. Chưa có chuyện học mà lại không hành bao giờ. Như học đạo Hiếu, thì trước tất phải hầu hạ nuôi nấng, đích thân thực hành đạo hiếu rồi mới gọi gọi là học được, chứ đâu có phải chỉ nghe nói suông nói hão, mà bảo ngay như thế là học đạo hiếu? Học bản tất phải giương cung lắp tên, bắn ra trúng đích; học viết tất phải trải giấy, cầm bút, cầm thẻ tre, chấm mực; hết thảy mọi sự học trong thiên hạ, chưa bao giờ không hành mà lại nói là có

học được, thế thì bắt đầu học vấn đã là hành rồi... Học không thể không có chỗ ngờ, vậy thì phải hỏi, tức là học vậy, tức là hành rồi; lại vẫn không thể không có chỗ ngờ, vậy thì phải suy ngẫm, phân tách; suy ngẫm, phân tách, tức là học vậy, tức là hành rồi. __ Không phải là học hỏi, suy ngẫm, phân tách, rồi sau mới bắt đầu đem ra hành, Thế cho nên, xét theo khía cạnh cầu làm cho giỏi, cho nên, cầu được việc mà nói thì gọi là học; xét theo khía cạnh cầu được võ nghĩa mà nói thì gọi là vấn (Hỏi); xét theo khía cạnh cầu cho suốt lẽ mà nói thì gọi là tư (suy ngẫm); xét theo khía cạnh cầu cho xem xét được tình huống mà nói thì gọi là biện (phân tách) xét theo khía cạnh cầu cho đích thân thực thi mà nói thì gọi là hành. Nghĩa là phân công ra tất có năm, nhưng hợp lại mà nói thì việc chỉ là một mà thôi" (*Phù vấn, tư biện hành giai sở dĩ vi học, vị hữu học nhi bất hành giả dã. Như học hiểu giả, tắc phục lao phụng dưỡng, cung hành hiếu đạo, nhi hậu vị chi học, khởi đồ huyền không khẩu nhĩ giảng thuyết, nhi loại khả dĩ vị chi học hiểu hồ? Học sạ tắc tất trượng cung, hiệp thi, dẫn mẫn trúng đích; học thư, tắc tất thân chỉ, chấp bút, thao cô, nhiệm hàn. Tận thiên hạ chi học vi hữu bất hành nhi khả dĩ ngôn học giả; tắc học chi thủy cố dĩ tức hành hĩ... Học chi bất năng vô nghi tắc vấn, vấn tức học dã, tức hành dã, hựu bất năng vô nghi, tắc hữu tư hữu biện, tư biện tức học dã, tức hành dã... phi vị học vấn tư biện chi hậu nhi thủy thổ chi ư hành dã. Thị cố dĩ cầu năng kì sự nhi ngôn, vị chi học, dĩ cầu biện; kì nghĩa nhi ngôn vị chi vấn; dĩ cầu thông kì lý chi ngôn vị chi tri; dĩ cầu tinh kì sát chi ngôn vị chi biện; dĩ cầu lý kì thực chi ngôn, vị chi hành. Cái tích kì công nhi ngôn tắc hữu ngũ, hợp kì sự nhi ngôn tắc nhất nhi dĩ (- Đáp Cổ Đông Kiều Thư)*

Sau hết, xin nói đến phần thứ ba: "Tri (biết) đến đúng đắn, cặn kẽ, thiết thực là cái tri đạt được ở trong hành (việc làm); hành (làm) mà sáng suốt rạch ròi là hành (làm) nhờ có tri.

Trong phần này, họ Vương cho rằng "*tri và hành tuy là hai chữ nhưng là nói chung một công việc*"(*tri hành nguyên thị lưỡng cá tự, thuyết nhất cá công phu*_Nnhư trên) Ông nói: " Tri và hành vốn không thể lìa nhau được. Chỉ tại học giả đời sau đem chia ra mới thành hai việc riêng biệt, mất cả bản thể của tri và hành. Bởi vậy mới phải đề xướng hợp tri và hành lại làm một" (*tri hành bản bất khả li, chỉ vị hậu thế học giả phân tác lưỡng biệt công phu, thất khước tri hành bản thể, cố hữu hợp nhất tinh tiến chi thuyết* (_Nnhư trên)

"Nếu hành (làm) mà không tri (biết) rõ ràng tỉ mỉ thì là hành (làm) mò, tức là (như sách luận ngữ nói) "học mà không nghĩ thì lờ mờ" vì thế mà tất phải nói đến tri (sự biết) .Tri (biết) mà không tri (biết) đến đúng đắn, cặn kẽ, thiết thực thì tri (biết) lơ mơ hão huyền tức là (như sách luận ngữ nói) nghĩ mà không học thì bập bồng.Vì thế mà tất phải nói đến hành, nguyên lai, tri với hành chỉ là một công việc. Người xưa nói tri, hành là cốt để bổ cứu cái tệ tập thiên về một đẳng (hoặc tri hoặc hành) trong khi thực thi một công việc, chứ có lẽ không phải để người ta chia lìa một việc ra làm hai phần (tri

và hành)” (Nhược hành nhi bất năng tinh sát minh giác, tiện thị minh hành, tiện thị “học nhi bất tư tắc võng”, sở dĩ tất tu thuyết cá tri; tri nhi bất năng chân thiết đốc thực, tiện thị vọng tưởng, tiện thị “tư nhi bất học tất đãi”, sở dĩ tất tu thuyết cá hành. nguyên lai chỉ thị nhất cá công phu, cổ nhân thuyết tri hành, giai thị tựu nhất cá công phu thượng, bổ thiên cứu tệt thuyết, bất tự, linh nhân phân tác lưỡng kiện sự cố (Đáp hữu nhân vấn).

Như vậy, theo ông tri và hành, nguyên lai chỉ là một việc, sở dĩ người xưa nói riêng tri, nói riêng hành, là cốt để sửa đổi cái thói làm việc không được hoàn hảo của người đời: Chỉ vì thế gian có hai thứ người cần phải phân rõ tri và hành thì họ mới hiểu:

“Một thứ thì mù mờ ù cạc, cứ làm bừa theo ý kiến riêng, tuyệt nhiên không chịu nghĩ ngợi, xem xét; như vậy chỉ là làm bậy, làm mò, cho nên đối với họ, tất phải nói đến tri (cho họ biết) có tri thì hành mới đúng được. Còn một thứ thì mơ mơ màng màng, chỉ suy nghĩ những chuyện vu vơ không đầu, tuyệt nhiên không chịu đích thân nhúng tay vào việc, như vậy thì chỉ là bắt bóng nghe hơi, cho nên đối với họ, tất phải nói đến hành (cho họ biết) phải hành thì tri mới thật là tri...” (*Nhất chủng nhân, mộng mộng, đồng đồng đích nhậm ý khứ tổ, toàn bất giải tư duy, tinh sát, dã chỉ thị cá minh hành vọng tác; sở dĩ tất thuyết cá tri, phương tài thành đắc thi; hựu hữu nhất chủng nhân mang mang đặng đặng, huyền không khứ tư sách, toàn bất khẳng trước thực cung hành, dã chỉ thị sù mô ảnh hưởng, sở dĩ tất thuyết cá hành, phương tài tri tri đắc chân ...*)

Rút lại, dù tri là “minh giác của tâm” hành là “phát động của tâm” dù tri là ý định, hành là thực thi, dù tri và hành là hai tiếng chỉ cùng một việc, trong cả ba trường hợp tri hành vẫn là hợp nhất.

Cùng một tâm trạng muốn bổ cứu thời tệt như người xưa, Vương Dương Minh sở dĩ đề xướng thuyết “tri hành hợp nhất” là cốt, như trên kia chúng tôi đã nói, trước hết thức tình lòng người mà coi chừng những ý niệm xấu, hầu trừ tệt nó ngay từ khi còn trong trứng. “Ngoài ra cũng để chữa cái thông bệnh của người đương thời, chỉ vì tin rằng phải “tri” đã rồi mới “hành” được, thành thử suốt đời không dám làm việc gì, trọn đời không làm được việc gì . Cao đệ của ông là Từ Ái có ghi mấy lời này của ông “Nay người ta lại đem tri hành chia làm hai việc mà làm, cho rằng cứ phải tri đã rồi mới hành được... cho nên suốt đời không hành mà cũng không tri. Đó hẳn không là một chứng bệnh nhỏ” (*Kim nhân khước tương tri hành phân tác lưỡng kiện khứ tổ, dĩ vi tất tiên tri liễu nhiên hậu năng hành... cổ loại chung thân bất hành, diệc toại chung thân bất tri. Thử bất thị tiểu bệnh thống*).

V. GIÁ TRỊ VÀ ÍCH LỢI CỦA THUYẾT TRI HÀNH HỢP NHẤT:

1- Giá Trị kế thừa Đạo Thống Chân Chính của Khổng Mạnh:

Thầy Vương Dương Minh tuy sinh ra ở thời nhà Minh, và là đồ đệ viễn phái của Đạo Khổng Mạnh. Thầy tinh thông cả tam giáo Nho Phật Lão, nên đã thể

nhận tinh hoa của 2 Đạo Phật và Lão, để phát huy Nho giáo một cách chính thống đồng thời đưa Nho giáo lên một bước tiến mới. Học thuyết của thầy từ "tri hành hợp nhất" đến "Trí Lương Tri" và "Bản thể công phu nhất thể" ...đều khởi nguyên từ thuyết "Vạn Vật Đồng Nhất Thể, một thuyết đã được coi là nền tảng của nền Văn Hóa, Minh Triết Đông Phương, cũng như chủ trương "Ngô Đạo Nhất Dĩ Quán Chi" (Cái Đạo của ta, chỉ một điều chính yếu quán thông xuyên suốt được tất cả) của Đức Khổng Phu Tử. Sau khi sáng minh ra thuyết "Tri hành hợp nhất", thầy lại sáng minh ra thuyết "Trí Lương Tri" và công bố 4 câu cách ngôn về Tâm:

Vô thiện, vô ác là cái thể của tâm.

Có thiện, có ác là cái động của ý

Biết thiện, biết ác là Lương Tri.

Làm thiện, bỏ ác là cách vật

Qua 4 câu cách ngôn trên, chúng ta thấy thầy Vương Dương Minh đã tiếp theo Đồng Trọng Thư (Đại nho đời Hán) tổng hợp hai ý kiến trái ngược nhau của Mạnh Tử (Tính người bản Thiện) và Tuân Tử (Tính người bản Ác) mặc dầu cách tổng hợp của Đồng Trọng Thư và của Vương Dương Minh tuy có chỗ giống nhau, nhưng cách lý giải về thiện ác của thầy Vương Dương Minh có tính chất thống quan từ Thiên Lý hay Đạo Thể. Mặt khác thầy Vương Dương Minh khi "chưa biết vào cửa Đạo" đã áp dụng thuyết "cách vật trí tri" theo cách lý giải của Chu Hy (Nho gia cự phách đời Tống) nhưng sau khi thể nghiệm "cách vật" không thành công (Xin xem lại mục tiểu sử) thầy đã đưa ra cách lý giải mới về "Cách vật trí tri" theo lối lý giải mới của thầy.. Đại cương "cách vật" theo Chu Hy là "cùng lý" (như vậy Tâm với Lý vẫn là hai) còn "cách vật" theo thầy Vương Dương Minh là "chính tâm" (Lý và Tâm cũng chỉ là một. Lý ở ngay tại Tâm) . Như vậy thầy vừa theo đúng chân truyền của nền Đạo thống Khổng Mạnh vừa phát huy Tâm Đạo trong Đạo Nho một cách rứt rứt hơn cả và đưa ra một xác thuyết (Như thầy Vương đã làm trong cuộc đời tìm đạo và đắc đạo của mình) là Tâm Đạo có khả năng giải thích tất cả và tổng hợp tất cả các mâu thuẫn trên thế gian.

Trong cuốn Khổng Học Đăng, tác giả là cụ Phan Bội Châu cũng đã viết về thầy Vương Dương Minh như sau:

"Khổng học phái đời Minh, từ lúc có pho "Ngũ kinh tứ thư đại truyện" ra đời, dùng bản sách này thi tiến sĩ. Học giả trong thiên hạ chuyên đem "Trình, Chu tập chú" làm mỗi cân đai. Ngoài "Trình, Chu tập chú" họ chẳng biết một cái tý gì. Nhưng mà họ há phải say ở Trình Chu đâu! Chỉ 4 chữ "thăng quan phát tài" là mục đích của họ. Khổng học đến bây giờ thành ra đám đồng cỏ rậm. Ở trong đám đồng cỏ rậm ấy mà mở ra một đường lối quang minh, gieo vào một hạt mộng tốt đẹp, khiến cho Khổng học lại rứt rứt tinh thần thiết phải qui công cho người khấn hoang và gieo mộng.

Người ấy là ai?

Tức là thầy Vương Dương Minh. Thầy chẳng những học lý đã tinh, mà võ công cũng giỏi. Kể học thuyết thì "tri hành nhất trí" Kể sự nghiệp thì "văn

võ song tuyến". Thiệt là một người con đích phái thừa tự ở trong Khổng Học" (Xem Khổng Học Đăng trang 727).

2. Giá trị khế hợp với Thời Đại: (Tống, Nguyên & Minh):

Khổng học phái thời Tống có 3 học phái lớn:

- Tượng Số học mà đại biểu là Trần Đoàn và Thiệu Ung (tức Thiệu Khang Tiết)

- Lý Học mà đại biểu là Chu Hy

- Tâm Học mà đại biểu là Lục Cửu Uyên (hay Lục Tượng Sơn)

Thầy Vương Dương Minh là đệ tử của thầy Lục Cửu Uyên và đã phát huy Tâm Học lên một bước tiến mới, đồng thời thầy cũng chủ trương "Tâm tức Lý", "Tâm tức Mệnh", "Tâm tức Tính" v.v... khế hợp với các triết gia Đời Tống , Đời Nguyên & Minh..

3. Giá Trị đề cao Đạo Lý, đồng thời đề cao sự thực dụng thực tiễn vẫn là bố đức soi đường cho mọi thời đại.

Thuyết "Tri hành hợp nhất" không chỉ đúng và có giá trị với các thời đại đã qua mà ngay thời đại của chúng ta, khi nhân loại bước sang đệ tam thiên niên kỷ, cũng như hăng hăng các thế kỷ về sau tính chất đề cao Đạo Lý đồng thời đề cao tính thực tiễn thực dụng vẫn có giá trị vượt không gian và và thời gian.

4. Minh Trị Thiên Hoàng đã áp dụng thuyết "Tri hành hợp nhất" trong sự nghiệp Canh Tân Nhật Bản theo sách lược "Phú Quốc Cường Binh"

Trong bài "**Từ Vương Dương Minh đến Minh Trị Duy Tân**" nhà sử Triết học Trần Đức Giang (hiện định cư tại Nhật Bản) đã viết như sau:

"Học thuyết của Thầy Vương Dương Minh chú trọng thực tiễn, ban đầu chưa được phát huy nhiều ở Trung Quốc, nhưng đã được giới trí thức Nhật tức nho sĩ thời đó tiếp nhận và truyền bá trong khoảng 300 năm ở Nhật Bản. Đó là nền tảng văn hóa và động lực chính cho Nhật phát triển duy tân thời Minh Trị Thiên Hoàng (1852-1912) gọi là Minh Trị Duy Tân, bắt đầu từ 1867.

Chính sự thành công của Nhật đã làm thức tỉnh các sĩ phu Trung Quốc, như các ông Đàm Từ Đồng, Khang Hữu Vi (1858-1927) Lương Khải Siêu (1873-1929)... và hơn 20.000 sinh viên Trung Quốc qua Nhật du học cuối thời Minh Trị (cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20) mạnh dạn mở lối dân quyền, trở thành động lực chính cho Cách Mạng Tân Hợi 1911 tại Trung Quốc thành công. Gần đây học thuyết của thầy lại được các nước Singapore (Tân Gia Ba), Đài Loan, Hồng Kông đem ra phổ biến....

Ở Nhật Bản, học thuyết của thầy được các nhà sư Phật Giáo Nhật Bản truyền bá. Nguyên có người làm đại sứ Nhật Bản trong thời kỳ đi sứ sang nhà Minh, đã đích thân gặp thầy hỏi đạo, đem văn chương và sách của thầy về dạy cho

các nhà sư ở chùa. Các vị nho Nhật Bản đã có người học tập được cái thực tiễn trong sự giáo huấn của thầy và lập ra một dòng mạch Vương Dương Minh Học ở Nhật Bản gọi là **Yomeigaku (Dương Minh Học)** thịnh truyền cho đến ngày nay.

Từ thế kỷ 17 đã có các thầy Nakae Toju, Kumazawa Banzan, Miwa Jissai (1696-1744), người cho in sách của Thầy Vương Dương Minh dịch ra tiếng Nhật) và Sato Issai (1771-1859) là một bậc thầy, theo Dương Minh Học, được Mạc Phủ mời dạy trong phủ Chúa, mặc dầu Mạc Phủ đã tuyên bố Nho học của Châu Hi làm chính để đào tạo quan lại. Từ thầy Sato Issai, Vương Dương Minh Học tràn lan khắp nước Nhật, do gần 3.000 môn sinh của thầy tin tưởng và tận tâm truyền bá. Từ đó mới sinh ra các thầy Oshio Heihashiro, Yoshida Shoin, Saigo Takamori, Sakamoto Ryuma... là các thầy Nho kiêm võ tướng và chính trị gia đã trực tiếp vận động Duy Tân Nhật Bản, Và họ đã thành công năm 1868, khi quy thuộc Minh Trị Thiên Hoàng. (Meji Tenno) dẹp sứ quân, thống nhất đất nước, tiến hành cải cách Nhật Bản gọi là Minh Trị Duy Tân. Vương Dương Minh Học ở Nhật Bản hoạt động không dừng lại ở chỗ Duy Tân Nhật Bản mà còn lèo lái Nhật Bản phục hưng sau Thế Chiến Thứ 2, từ 1945.

Dù ở Trung Hoa hay ở Nhật Bản, những người theo học Vương Dương Minh Học đều có những đặc tính sau:

- Tự do không bị ràng buộc vào chủ thuyết này
- Tôn trọng chính nghĩa xã hội.
- Thân thiết kính mến, thương xót tới con người cô thế.
- Tính tình tự chủ độc lập.
- Siêng năng cần cù.
- Có tinh thần sáng tạo.
- Tin tưởng tuyệt đối vào cái tâm của mình.
- Lạc quan.
- Khiêm Tốn.
- Quý trọng thời giờ.

Họ có thể là nhà văn, là họa sĩ, là thi sĩ, là nhà làm luật pháp, chính trị gia, là kỹ sư, là kinh tế gia, là nhà buôn... thậm chí ở Nhật, họ có khi là nhà sư, là cha cố, là thầy dạy Tin Lành chứ không bắt buộc họ là nhà Nho theo cái nghĩa thường như chúng ta thường nghĩ là ông Đồ dạy học "ê a" ba chữ Nho. Ở Nhật Bản, Vương Dương Minh Học, đi vào dân chúng trong sinh hoạt hàng ngày, có thể tìm thấy ở cách chào hỏi hàng ngày, cách cư xử với người trong nhà, người ngoài luận bàn cho kỹ, có thể nói **Wương Dương Minh Học là một cái "Đạo" không chuông mõ, kèn trống, không giáo hội lễ đường mà nó âm i bao trùm cả xã hội Nhật Bản. Muốn hiểu xã hội Nhật Bản, mà không hiểu Vương Dương Minh Học thì chỉ xem được mặt ngoài mà không thấy được bên trong của Nhật Bản....**

Tại sao người Nhật lại có người hoan nghênh cái học thuyết của Thầy Vương Dương Minh? Có một lý do có thể thấy là vì ở Nhật có nhiều người thích thích Thiền, tu Thiền đã quen nhiều rồi.

Đương nhiên, cái học của Tống nho tức Châu Tử Học trong đó có thực học (trọng về toán học, y học, thiên văn học) và cái học làm quan (Nhưng không có khoa cử) cũng có đóng góp cho xã hội Nhật Bản để duy trì guồng máy quan lại, giữ sự hòa bình, trật tự cho xã hội cũ của Nhật Bản.

Cái đặc biệt của Vương Dương Minh Học ở Nhật Bản đã được một nhà Nho Trung Quốc là Trương Quân Lê đánh giá:

"Người Nhật thờ phụng, theo Vương Dương Minh Học có mặt thực tiễn hơn người Hoa. Người Hoa theo Vương Dương Học mà ưa lý luận để bào chữa cho cái chủ ý của mình"

Tỷ như Phong Trào Duy Tân của Nhật mà kể các nhà đại Nho theo Phái Vương Dương Minh Học có được trước sau 20 lò Nho, mỗi lò đào tạo ra cả trăm, cả ngàn môn sinh, xét cho kỹ, thầy nào cũng dạy môn sinh ở chỗ:

- *Trọng thực tiễn và hiện thực.*
- *Tin ở Lương Tri của mình.*
- *Trau dồi, dùi mài cho Lương tri của mình thành tốt đẹp, trong sạch hơn.*
- *Lương tri của mình cũng là lương tri của vạn vật.*
- *Lấy tu thân làm gốc.*
- *Triệt để tin vào Đạo Nho ở chỗ "Sĩ khả bách vi" (làm nghề gì cũng được).*

Từ đó họ có được tinh thần tự tin, độc lập, dẫn thân và hầu hết họ đều thực tiễn trong việc tu hành theo Đạo Nho. Cụ thể như Thủ Tướng Nakasone, ngồi tính toạ, còn đem phương pháp này dạy cho Thủ Tướng Lý Quang

Diệu (Xem hồi ký Lý Quang Diệu) - Thủ Tướng Singapore)

Và đặc biệt họ rất linh mãnh, biết tùy cơ ứng biến. Thầy Kumagai Banzan (1619-1691) đã triển khai đạo Nho trong sách Tân Nghĩa Hoa Thư "Shuai Washo" về phép đối xử với mọi sự phải theo:

- Thời tức là tình trạng
- Xử tức là thủ đoạn, phương pháp.
- Vị tức là mục đích.

Và luôn luôn nhắc nhở:

"Làm kẻ sĩ học học vấn chân thực là cố gắng vượt qua sự sống, sự chết, nỗ lực rèn luyện cho thân tâm lương tri của mình"

Lại nhắc nhở Thầy Vương Dương Minh đã dạy là:

"Tôn Đức Thánh làm Thầy, nhưng không phải cái gì cũng theo như cũ, mà phải tùy hoàn cảnh mà công phu sáng tạo".

Sau Minh Trị Duy Tân, nhà Nho Hàn Quốc đã có những người bắt đầu nghiên cứu về phái Vương Dương Minh Học. Nhà Nho Phác Ân Thực (Park In Shik ,1829-1925) đã mở ra Hội Nghiên cứu Vương Dương Minh Học ở Hàn Quốc, lập ra tờ "Đại Hàn Mỗi Nhật Thân Báo" (The han Mea il Shin Po) chủ trương:

- *Ứng hộ quốc quyền*

- *Mở mang dân quyền.*
- *Tự do ngôn luận.*

Với chủ trương trên, Thầy Phác Ân Thực (Park In Shik) đã đóng góp tích cực tạo ra môi trường hăng say học tập tại Hàn Quốc. Ảnh hưởng Phong trào Vương Dương Minh học, tại Trung Hoa cũng sản sinh ra những bậc kiện tướng mà cụ Phan Bội Châu đã từng ca tụng trong cuốn “Khổng Học Đăng” như:

- Thầy Hoàng Tông Hi, hiệu Lê Châu (1580-1665) một nhà thạc học, bác học, Hồng Nho biên soạn trên 1.000 bộ sách về Nho, toán, âm nhạc, cũng là người khởi xướng thuyết đại nghị và quân vương do dân bầu (quân chủ lập hiến) trước J. J Rousseau 100 năm.
- Thầy Lưu Niệm Đài, Thầy Đàm Tự Đồng, Thầy Lương Khải Siêu (Bạn thiết của Cụ Phan Bội Châu) v.v...

Vào những năm Đảng Cộng Sản Trung Quốc thịnh quyền, trong quốc hội vẫn có những vị Đại Nho bên vực lập trường của dân chúng, đứng dậy phê bình trực tiếp với cả Mao Trạch Đông. Cụ thể là Đại Nho Lương Thấu Minh (1893-1988), một người đã viết tác phẩm **“Văn Minh và Triết Học Đông Tây”** xuất bản năm 1922. Tác phẩm này được viết theo chủ nghĩa, tình cảm ý thức Thể Nhận, trong đó thầy Lương Thấu Minh có luận bàn đến xã hội, lấy Đức trị, Nhân Trị và Tình người làm chủ nghĩa sau khi đã phân tích sự suy đồi mà xã hội chủ nghĩa tư bản và xã hội chủ nghĩa Marx bắt buộc phải có, và sự trụy lạc của các tôn giáo hiện nay..

Hiện nay dân chúng Trung Quốc đang coi thầy Lương Thấu Minh như một vị triết gia, tiên tri lỗi lạc của thế kỷ 20 qua những hành động thực tiễn của thầy trong chính trường, văn trường, học giới.

Tại Tân Gia Ba (Singapore) có phong trào Tân Nho Học, tại Đài Loan thì Phong trào Vương Dương Minh Học tuy không rầm rộ phô trương nhưng sức mạnh của Học Phái vẫn âm ỉ lan rộng và đang thực tiễn góp nhiều cống hiến cho xã hội loài người trong lúc điên đảo này.

Niên Biểu tóm tắt về sự hình thành và các sự kiện liên quan đến Vương Dương Minh Học ở Nhật Bản.

- 1513, Hòa Thượng Ryoan Keigo (1425-1514) là Chính sứ Nhật Bản sang Trung Quốc thời triều Minh đã gặp Thầy Vương Dương Minh và đem tác phẩm của Thầy về Nhật.
- 1649, Thầy Nakae ToJu (1608-1648), một nhà Nho bỏ quan chức võ sĩ về nuôi mẹ bằng nghề bán rượu, lấy sách của thầy Vương Dương Minh dạy cho các môn đệ ... Thầy Nakae ToJu được coi là Thánh Tổ phái Vương Dương Minh Học ở Nhật.
- 1680, Thầy Đại Nho Kumazawa Banzan (1619- 1691) một nhà kinh tế, văn quan, dùng văn chương bình dân giảng dạy học thuyết “Tri hành hợp nhất”, môn đệ lên tới gần 3.000 người. Thầy nổi tiếng với chủ trương:

*“Vì thiên địa lập thân,
Vì vạn thế thái bình”*

Câu này đã được thầy Yasuoka Masatoshi viết vào bài chiếu đầu hàng "Đồng Minh" để Thiên Hoàng Chiêu Hòa Hito đọc vào ngày 15/8/ 1945.

- 1770, các thầy Nho trong Dương Minh Học bắt đầu thai nghén việc Duy Tân Nhật Bản. Thầy Miwa Jikusai dịch "Truyền Tập Lục" ra văn chương bình dân.

- 1837, Thầy Đại Nho Oshio Oshio Heihiro (1793- 1837) là người đã khởi nghĩa ở Osaka để bênh vực nông dân nghèo.

- 1856, Thầy Đại Nho Yoshida Shoin (Cát Điền Tùng Âm, 1829-1859) viết "Ikkun Banmin Ron" (Nhất Quân Vạn Dân Luận) nói về chuyện mọi người bình đẳng trước Thiên Hoàng và tận lực với Thiên Hoàng. Năm 1857, mở trường dạy học theo chủ trương của Vương Dương Minh, là bậc thầy của nhiều nhân viên cao cấp thời Minh Trị Duy Tân.

- 1864, các võ sĩ theo Vương Dương Minh Học khởi Nghĩa ở Kozanji

- 1867, Đại Nho Saigo Takamori (1827-1877) Tổng Đại Tướng quân đội chống lại Mạc Phủ, đã dùng ba tactic lười thuyết phục tướng và quân đội của Mạc Phủ đầu hàng phe Duy Tân mà không tốn một viên đạn.(3*) (Trích đoạn trong bài "Từ Vương Dương Minh đến Minh Trị Duy Tân" của Triệt Học Trần Đức Giang).

Để quý độc giả hiểu rõ hơn sự tương quan, giữa học thuyết "Tri hành hợp nhất" của Thầy Vương Dương Minh với công cuộc Duy Tân của Nhật Bản - so sánh với hoàn cảnh của Việt Nam thời mạt đếp Nhà Nguyễn; người viết xin ghi kèm theo đây:

Ghi Chú Đặc biệt của Học Giả Đổ Thông Minh:

"Phần lớn người Nhật và Việt đều nghĩ: "Minh Trị Thiên Hoàng một đấng Minh quân ai bì". Ông lên ngôi lúc 15 tuổi, lúc 15 tuổi đã lấy vợ và sau có thêm 4 bà Hoàng Phi... thì ít nhất trong giai đoạn đầu chưa thực sự hiểu việc triều chính, vận hành quốc gia triều đại phong kiến lúc đó, sau khi thu hồi quyền hành từ tay Sứ Quân cuối cùng của dòng họ Tokugawa. Đức Xuyên đã cố gắng đề cao Thiên Hoàng để phục hồi uy tín và tập trung lòng dân. Thực ra công lao trong cuộc Minh Trị Duy Tân chính là các quần thần, mà đa số là đệ tử của ông Yoshida Shoin. *Thêm nữa, tư tưởng Vương Dương Minh đã vào và được truyền bá khá rộng rãi ở Nhật khoảng 400 năm, là nền tảng không thể thiếu cho cuộc cải cách.*

Thế nên, nếu người Việt trách triều đình nhà Nguyễn và quần thần thời bấy giờ quá u mê thì cũng không công bình lắm, vì ở Việt Nam đã không có được yếu tố chuẩn bị tư duy quan trọng và tối cần thiết cho một cuộc canh tân. *Và phải chăng, ngay cả bây giờ, đã cả trăm năm qua, đã bước vào đầu thế kỷ thứ 21 rồi mà tình hình cũng vẫn như vậy! ?"*

Câu hỏi và cũng là lời than của Học Giả Đổ Thông Minh ở cuối đoạn ghi chú kể trên, mới nghe như cơn gió thoảng, nhưng nghĩ lại là một mối ưu tư vô

cùng sâu sắc, khiến mọi người chúng ta phải quan tâm suy gẫm về trách nhiệm của kẻ sĩ thời đại, cũng như sứ mệnh của văn hóa trước vận nước ngả nghiêng. Và chứng chính vì mỗi ưu tư này của Học Giả Đỗ Thông Minh đã là giọt nước tràn ly khiến chúng tôi mạnh dạn làm công việc Nhận định Ưu Khuyết điểm, bổ sung và góp phần hoàn thiện Triết lý “Tri hành hợp nhất” thành triết lý “TRI - HÀNH SỐNG HỢP NHẤT” áp dụng trong thời đại mới.

VI. NHỮNG ĐIỂM KHIÊM KHUYẾT VÀ BẤT TOÀN TRONG TRIẾT LÝ “TRI HÀNH HỢP NHẤT” CỦA TRIẾT GIA VƯƠNG DƯƠNG MINH:

Như trên chúng ta đã khách quan đề cập đến “Giá trị và lợi ích” của Thuyết “Tri Hành Hợp Nhất” của Triết gia Vương Dương Minh. Nhưng điều này không có nghĩa là thuyết “tri hành hợp nhất” không có điểm khiếm khuyết nào? Và càng không có nghĩa thuyết này là lý thuyết toàn hảo! Nhằm đánh giá đúng thuyết “tri hành hợp nhất” trong mục này, chúng tôi xin nêu lên những điểm khiếm khuyết và bất toàn của thuyết “tri hành hợp nhất” như sau:

1. Những điểm còn khiếm khuyết:

a. Giới hạn về Tông chỉ lập thuyết “*Tri Hành Hợp Nhất*”:

Trong phần tông chỉ lập thuyết, thầy Vương Dương Minh nêu lên 2 điểm quan trọng:

a1. Vì người đời “*nghĩ sai nên làm sai*”

Nhận thấy người đời thường phân chia Tri Hành làm hai, thầy Vương Dương Minh cho đó là “*nghĩ sai nên làm sai*”. Không những thế còn làm những việc xấu ác, phản đạo đức. Để chữa căn bệnh đó của thời đại, nên thầy xướng ra thuyết “Tri Hành Hợp Nhất” để cứu vãn thời thế, đồng thời đưa con người trở về với với bản thể của Đạo.

Như một lương y chữa bệnh, thầy VDM đã bắt mạch con bệnh thời đại là do người đời “*Nghĩ sai và làm sai*”.

Không những thế còn làm những việc xấu ác, phản đạo đức”. Để chữa căn bệnh đó của thời đại nên thầy xướng ra thuyết “Tri Hành Hợp Nhất”...

Thực ra động cơ thúc đẩy con người hành động dù là làm việc “*thiện lành*” hay “*xấu ác*” có rất nhiều nguyên nhân như có người hành động vì lý tưởng gọi là “*Lý tưởng nhi hành*” có người hành động vì nhu cầu danh lợi “*Danh lợi nhi hành*” Có người hành động vì sợ hãi bắt buộc phải làm gọi là “*Kinh cù nhi hành*”; có người hành động vì tính ích kỷ, vì “*tham sân si*” v.v. chứ không phải chỉ vì “*Nghĩ sai và hành động sai*” nên ngay từ Tông chỉ lập thuyết của Thầy VDM cũng còn nhiều điểm thiếu sót vậy.

a2. Người đời “*không biết trừ tuyệt mầm bất thiện ngay khi mới khởi phát trong tâm*”

“Muốn hiểu cái thuyết tri hành hợp nhất, trước hết phải biết cái tông chỉ sự lập ngôn của ta. Người đời nay học vấn, nhân vì đã phân tri hành làm hai việc, cho nên khi có một cái niệm phát động, tuy là bất thiện, nhưng bởi chưa thi hành, thì không tìm cách ngăn cấm. Ta nói cái thuyết tri hành hợp

nhất, chính là để người ta hiểu được chỗ *nhất niệm phát động tức là hành rồi*. Hễ chỗ phát động có điều bất thiện thì đem điều bất thiện ấy trừ bỏ ngay đi, cốt bỏ đến chỗ căn để, khiến cái bất thiện không tiềm phục ở trong bụng. Ấy là cái tông chỉ sự lập ngôn của ta" (*Ngữ Lục III*)

Khi con người khởi ý niệm làm một việc gì, thì "*lượng tâm hay lương tri*" đã cho chúng ta biết ngay là việc đó là "thiên" hay là "ác" "phải" hay là "trái" , "nên làm" hay "không nên làm". Cái ý niệm ban đầu khởi phát đó rất quan trọng .Nếu là việc thiện có ơn ích cho mình cho mọi người thì ta nên sốt sắng làm ngay. Ngược lại nếu lương tâm lương tri mách bảo cho ta biết đó là việc làm "xấu ác" thì ta phải trừ khử ngay đi. Lời khuyên của thầy VDM thật là đích đáng, rất đúng theo luân lý đạo đức! Nhưng khó khăn ở chỗ, mặc dù biết là việc làm "bất thiện" có tính chất "xấu ác" nhưng con người có chịu nghe theo "tiếng mách bảo" của Lương tâm lương tri hay không lại là chuyện khác! Như trên chúng tôi đã phân tích con người hoạt động vì một động cơ thúc đẩy (hành động vì lý tưởng "hướng thương" hay "hướng tha" hay vì tính ích kỷ mưu cầu danh lợi cho chính mình, hành động vì "lòng tham". vì "ái dục" hay vì "ý thức chiếm hữu", nhất là hành động vì "ý chí thống trị" người khác v.v. Ngoài ra con người hành động còn bị ảnh hưởng bởi thói quen – Đức Không Tử nói "Tính tương cận tập tương viễn..."

Con người hành động còn bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh, môi trường sống.....Tất một lời con người hoạt động vì động cơ thúc đẩy, vì thói quen, vì hoàn cảnh và môi trường sống khác nhau nên đưa tới kết quả hay hậu quả khác nhau... Thầy VDM đã không phân tích sâu về các nguyên động lực thúc đẩy con người hành động, mà chỉ qui kết vì con người thời đại quan niệm "tri" và "hành" là hai mà ra nông nổi ... Nhận định của Thầy tuy đúng song vẫn còn nhiều điểm khiếm khuyết ngay trong tông chỉ lập thuyết của Thầy.

2. Giới hạn vì khoa tâm lý học Đông Phương thế kỷ thứ 15:

Từ rất xa xưa người Đông Phương đã quan niệm sai lầm là con người suy nghĩ, ý thức, tư tưởng bằng Trái Tim (Chữ nho Tâm là trái tim) Sau này khoa học tiến bộ, người Đông Phương mới biết là mình sai (Con người suy nghĩ bằng khối óc, chứ không phải bằng con tim). Nhưng cách suy nghĩ của người Đông Phương diễn tả bằng chữ Tâm đã "thành nếp" nên khó thay đổi! Ngay cả các triết gia, các nhà Hiền Triết vẫn diễn tả Tâm lý con người đều do chữ Tâm mà ra cả... Chữ Tâm là chữ khó hiểu nhất mông lung nhất và cũng kỳ diệu nhất! Tâm là sức mạnh tâm linh, Tâm là sự sống.., Tâm là chân lý tối cao trong vũ trụ Tâm là "Bản sư" Tâm chủ trì tất cả ... Theo Duy Thức học Phật Giáo quan niệm "Tam giới duy Tâm vạn pháp duy Thức". Trong kinh Lăng Nghiêm đức Phật nói với ngài An Nan rằng: "*Cả vũ trụ, hư không chỉ như một đám mây trong Tâm ông mà thôi*" đủ biết chữ Tâm lớn lao vĩ đại kỳ diệu đến như thế nào... các vị Thiền sư cũng chỉ rõ Tâm có 2 nghĩa: *Chân Tâm* và *Vọng Tâm*. Vọng tâm là tâm phân biệt: đúng /sai -phải/ trái - thị /phi -nhân / ngã.. "Vọng tâm" cũng là ý thức, ý nghĩ, tư tưởng ...còn "*Chân Tâm*" mới chính là "Phật Tính", Thiên Chúa Tính, là Chân Lý tối thượng điều

động cả vũ trụ Càn Khôn... Thầy Vương Dương Minh sinh trong thế kỷ 15 thầy là học trò của thầy Lục Tượng Sơn, chủ trương Tâm Học . Dĩ nhiên khi nói về chữ Tâm thầy VDM không chỉ trái tim trong lồng ngực con người mà nói đến sức mạnh tâm linh, Tâm là "Mệnh". Tâm Là "lý" Tâm Là "Tính" Tâm là "Trí Lương Tri" Mặc dầu vậy cách diễn tả về Tâm lý con người của thầy VDM vẫn bị giới hạn theo tâm lý học cổ điển (thế kỷ 15 tại Đông Phương) nên có nhiều điểm chưa được chuẩn xác !
Thưa vậy, chúng ta căn cứ trên 3 luận điểm lập thuyết của Thầy Vương Minh để làm sáng tỏ vấn đề:

Luận điểm lập thuyết thứ nhất:

Thầy Vương Dương Minh giảng như sau:

"Sách Đại Học chỉ cho thấy rõ đúng thế nào là tri và hành; sách ấy nói:" Như ưa sắc đẹp, như ghét mùi thối" Thấy sắc đẹp mà biết là đẹp, đó là thuộc về phần tri; ưa sắc đẹp là thuộc về phần hành. Ngay khi thấy sắc đẹp, mới chỉ thấy thôi là đã ưa rồi, chứ không phải là thấy đẹp rồi mới lập tâm ưa. Ngửi mùi thối mà biết là thối, đó là thuộc về phần tri; ghét mùi thối là thuộc về phần hành; ngay khi ngửi, thấy thối là ghét rồi, chứ không phải thấy thối rồi mới lập tâm ghét !.." (Trích 456- Truyền tập lục, Từ Ái ký)

Đối với lời giảng trên, chúng ta thấy gì? Theo khoa tâm lý học hiện nay cho chúng ta biết : "Con người có " ý thức" (hay lý trí) có **Tình cảm** (yêu ghét, vui buồn thương mến,) có **Ý chí** (ý muốn, ý định, quyết định)

"Thấy sắc đẹp mà biết là đẹp, đó là thuộc về phần "Tri" hay Ý Thức là đúng rồi. Còn ưa sắc đẹp là thuộc về Tình Cảm (ưa ghét) trong khi "ưa sắc đẹp" thầy VDM lại coi đó là thuộc về phần Hành! Thì hiển nhiên là khiên cưỡng, nếu không nói là sai lầm.

Cũng như trên "Ngửi mùi thối mà biết là thối thuộc về phần Tri (hay ý Thức) là đúng! Còn ghét mùi thối là thuộc về "Tình cảm" hay Bản năng (yêu ghét , cảm nhận...) trong khi Thầy VDM lại giảng ghét mùi thối là "thuộc về phần Hành " thì quả là "gượng ép" nếu không muốn nói là sai với khoa Tâm Lý Học hiện đại!

Sang luận điểm lập thuyết thứ hai:

Thầy VDM giảng: "Người ta tất có lòng muốn ăn rồi mới ăn, cái lòng muốn ăn tức là ý (chủ ý) tức là bước đầu của hành vậy. Ăn miếng ngon, miếng dở, tất nhiên bỏ vào mồm rồi mới biết, chứ có khi nào chưa bỏ vào mồm mà đã biết miếng dở miếng ngon? Tất là phải có lòng muốn đi, rồi sau mới biết đường; cái lòng muốn đi tức là ý (chủ ý) tức là bước đầu của hành vậy.

Đường đi hiểm trở, tất phải đích thân trải qua mới biết, chứ có khi nào, chưa đích thân trải qua mà đã biết đường đi hiểm trở

Theo tâm lý học Phật Giáo: Con người có "lục căn" tiếp xúc với "lục trần" sinh ra "lục thức" tạo thành 18 giới. Hãy nói về lục căn: Tánh thấy tạo ra nhãn căn (mắt). Tánh nghe tạo ra nhĩ căn (tai). Tánh ngửi tạo ra tị căn (mũi). Tánh nếm tạo ra vị căn (lưỡi). Tánh sờ mó tiếp xúc tạo do thân thể

(thân căn), Tánh biết tạo ra ý căn (não bộ) là trung tâm tổng hợp và điều khiển mọi hoạt động của cơ thể và từ đó có khả năng suy nghĩ trừu tượng nhờ vào khả năng ghi nhớ của các tế bào thần kinh. Vậy theo lập luận của thầy VDM:

Người ta tất có lòng muốn ăn rồi mới ăn, cái lòng muốn ăn tức là ý (chủ ý) tức là bước đầu của hành vậy....

Tất là phải có lòng muốn đi, rồi sau mới biết đường; cái lòng muốn đi tức là ý (chủ ý) tức là bước đầu của hành vậy.

Thực ra nếu phân tích cho đúng thì "Lòng muốn ăn" hay ý muốn đi" chỉ là do Ý Căn là trung tâm tổng hợp và điều khiển mọi hoạt động của cơ thể xuất phát từ não bộ nên vẫn thuộc về "phần Tri" thầy Vương Dương Minh lại giảng là "bước đầu của hành" tuy vẫn có phần đúng nhưng vẫn là gượng ép ! Tiếp theo là luận điểm lập thuyết thứ Ba:

"Tri (biết) đến đúng đắn, cặn kẽ, thiết thực là cái tri đạt được ở trong hành (việc làm) ; hành (làm) mà sáng suốt rạch ròi là hành (làm) nhờ có tri. Trong phần này, họ Vương cho rằng "tri và hành tuy là hai chữ nhưng là nói chung một công việc"(tri hành nguyên thị lưỡng cá tự, thuyết nhất cá công phu_Như trên)

Theo luận điểm thứ ba này: Giữa "Tri" và "Hành" có sự tương quan mật thiết với nhau, làm "nhân quả" lẫn cho nhau . Nhận định như trên là rất đúng, Nhưng nếu nói rằng "Tri" và "Hành" tuy là 2 chữ , nhưng chung "một công việc" thì chưa hẳn đúng vì có những trường hợp "Biết đúng" mà "làm vẫn sai" " hoặc "Tri nan" mà Hành dị" (biết khó, làm dễ) hay ngược lại "Tri dị" "Hành nan" (biết dễ, làm khó) Đó là chưa nói đến trường hợp "Tri:" một đàng "Hành" một nẻo"....

3. Cách hiểu về Tri và Hành của Thầy Vương Dương Minh khác với các hiểu về Tri và Hành của nhiều người trong chúng ta:

Thuyết "Tri Hành Hợp Nhất" khá nổi tiếng trong thời nhà Minh đến đời Thanh thì bị Vương Thuyền Sơn công kích kịch liệt:

a- Vương Thuyền Sơn cho rằng: "Vương Dương Minh đã lạm dụng danh từ tri và hành. Cái ông ta gọi là tri tuy không phải là tri, nhưng còn có phần nào của tri, thảng hoặc cũng còn có sở kiến. Còn khi nói rằng cái ông ta gọi là hành không phải là hành thì đích xác cái đó không phải là hành mà chính là tri nhân làm hành" (*Kỳ sở vị tri giả phi tri, nhi hành giả phi hành dã. Tri giả phi tri, nhiên nhi do hữu kì tri dã, diệc thảng nhiên nhược hữu sở kiến dã, hành giả phi hành , tắc xác hồ kỳ phi hành, dĩ kỳ sở tri vi hành dã* (Thượng Thư dẫn nghĩa)

Trước lời phê phán trên của Vương Thuyền Sơn, hai học giả Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê có nhận xét:

“Lời phê bình trên đây về thuyết tri hành hợp nhất của Vương Dương Minh xét ra không vững mà rõ ràng khiên cưỡng. Thật vậy, khi lập thuyết, Vương Dương Minh đã định nghĩa hẳn hoi cho hai chữ tri hành rồi. Nghĩa đó không phải phải nghĩa thông thường mà mọi người vẫn hiểu; hơn nữa, nghĩa đó lại thay đổi trong mỗi phần của thuyết như đã nói trên. Vậy mà khi phê bình, Thuyền Sơn lại hiểu hai chữ tri hành của Vương Dương Minh theo nghĩa thông dụng, thì làm sao mà chẳng xảy ra cái trò: “ông nói gà, bà nói vịt” cái lối lập luận vin vào “duy danh định nghĩa” (xem Đại Cương Triết Học Trung Quốc trang 539-540)

Chúng tôi đồng ý với nhận xét của hai học giả Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê là lập luận của Vương Thuyền Sơn không vững, và do đó chưa thể đánh đổ được thuyết “Tri Hành Hợp Nhất” của thầy Vương Dương Minh. Tuy nhiên lối hiểu tri và hành của thầy Vương Dương Minh rất đặc biệt, khác hẳn lối hiểu biết thông thường của mọi người dầu sao cũng vẫn là một khuyết điểm và Vương Thuyền Sơn cũng có lý của Ông khi nêu ra những khuyết điểm của thuyết này..

b. Yếu Tố Bất Toàn:

Ngoài những sự khiếm khuyết có tính chất ngành ngọn nói trên, thuyết “Tri Hành Hợp Nhất” còn có sự thiếu sót lớn do Thầy Vương Dương Minh đã không khám phá ra Chân Lý Sự Sống là nền tảng của “Tri” và của “Hành”. Thực vậy, thầy Vương Dương Minh không hề đặt ra câu hỏi con người do đâu mà có Tri, có Hành? Ngay cả cái Tâm của con người do đâu mà có? Nếu không có sự sống, là yếu tố nền tảng là bản chất Sinh Tồn của con người thì “Tâm” hay “Tri” “Hành” của con người đều không có hay không có lý do tồn tại. Nói như Shakespeare : “ *To be or not to be that is question* ” = (Tồn tại hay không tồn tại đó là vấn đề...) .

Do trên Tri và Hành mà không có sự sống thì không thể tồn tại, không thể hiện hữu nói chi đến sự hợp nhất! Nói cách khác, Tri Hành Sống không thể rời nhau được nên người viết chủ trương “Tri Hành Sống Hợp Nhất.” Vấn đề “Sự Sống” con người nói riêng và sự sống của muôn sinh vật nói chung là vấn đề quan trọng nhất đã được đề cập đến trong tôn giáo, triết học và khoa học. Đạo Phật còn có tên gọi khác là “Đạo Sự Thật” và “Đạo Sự Sống” Đức Phật rất quý trọng sự sống, dù là sự sống của con giun, con dế con muỗi, hay con vi trùng... Nho giáo quan niệm: “Thiên địa chi đại Đức viết Sinh” (Đức lớn nhất của Trời Đất là đức Hiếu Sinh). Đức Chúa Jesus cũng từng tuyên bố: “*Ta là đường, là Chân Lý và Ta là Sự Sống*”. Tại Đông Phương các nhà Hiền Triết như Dương Tử, Liệt Tử hay Trang Tử đều chủ trương thuyết “*Trọng Sinh*” hay “*Quý Sinh*” (“Yêu sự Sống”, “Quý trọng Sự Sống”). Tại Tây phương các tư tưởng đầu tiên đề cập đến “sự Sống” là các tư tưởng của Aristotle, Pasteur, Darwin và Oparin. Về phương diện khoa học, vấn đề nguồn gốc sự sống tới nay, vẫn còn là điều bí ẩn. Song khoa “vi sinh học”

(microbiology) từ thế kỷ 17 tới nay đã có những bước tiến vượt bậc. Nhất là khi khoa học khám phá ra mã di truyền DNA (Deoxyribonucleic acid). Tóm lại vấn đề "Sự Sống" ngày nay không còn là một đề tài xa lạ mà đã thành một khoa học, đã và đang ảnh hưởng mạnh trên lãnh vực triết học thời đại.

VI. KẾT LUẬN:

Sau khi đã khách quan ghi nhận những ưu điểm và ích lợi thực tế, thực tiễn của thuyết "Tri hành hợp nhất" đồng thời cũng nhận ra những điểm khiếm khuyết bất toàn trong thuyết "tri hành hợp nhất, chúng ta cần bổ sung hoàn thiện thuyết Tri hành hợp nhất" của thày Vương Dương Minh thành thuyết "Tri - hành - Sống Hợp Nhất" hầu đáp ứng nhu cầu "Sống- Còn -Nối- Tiến- Hóa của dân tộc, nhân loại hôm nay, ngày mai.

Khi đem "chân lý tinh hoa sự sống" bổ sung và hoàn thiện thuyết "Tri hành hợp nhất" là phương thức "Nhập diệu" "khoáng trượng" và "nâng cao giá trị của triết thuyết này trong thời đại mới. Đây cũng là cách chúng ta tri ân và vinh danh triết gia Vương Dương Minh một cách chân chính và tốt đẹp nhất". Khi con người "làm đúng" và nhất là làm với tất cả "tấm lòng thành" thì dù: làm trước Trời, Trời cũng không cãi. Làm sau Trời, Trời cũng bằng lòng"...

San Jose Thung lũng Hoa Vàng, 2010-2017

Chu Tấn

(Trích trong Tuyển Tập Văn Hóa Chính Trị TẮC LÒNG NON NƯỚC tập I của Chu Tấn)

Kính mời đọc thêm những biên khảo khác của tác giả tại:
<http://www.vietnamvanhien.org/ChuTan.html>

www.vietnamvanhien.net



VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 8300 TÁC PHẨM